TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST Ngày: 09-04-2024 V/*v Tranh chấp "Không công nhận vợ chồng"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 454/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "Không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp TH, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Lê Thành T, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp TH, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H trình bày:

Vào năm 1992 chị với anh T được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới với nhau chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Chị và anh T có 02 con chung tên Lê Ngọc S, sinh ngày 08/10/19XX và Lê Ngọc T, sinh ngày 17/01/20XX. Các con chung đã có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Chị với anh T có khoảng 10 công đất vuông; 01 căn nhà kiên cố 03 căn xây cất hơn 10 năm, hiện nay do anh T sử dụng. Do trước đây chị và anh T có vay vốn Ngân hàng nhưng không có tiền trả chuyển thành nợ xấu nên chị và anh T phải nhờ người em của chị đứng tên dùm nên chị không yêu cầu giải

quyết.

Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ ai cũng như không ai nợ chị và anh T.

Nguyên nhân chị yêu cầu Toà án không công nhận chị với anh T là do chị với anh T bất đồng quan điểm về lối sống rất nhiều năm nhưng chị vẫn cố gắng chịu đựng để tạo điều kiện hàn gắn với nhau nhưng anh T không thay đổi, anh T thường xuyên uống rượu; nhiều lần xúc phạm chị, có lần dùng dao và thuốc độc uy hiếp, đe doạ chị nên khoảng hơn 01 năm nay chị với anh T không còn sống chung. Khi chị với anh T không còn sống chung cha mẹ chị có khuyên chị với anh T hàn gắn nhưng chị không đồng ý

Nhận thấy chị với anh T không thể hàn gắn được nên tôi có các yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu Toà án không công nhận chị với anh T là vợ chồng.

- Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành, đã có gia đình riêng nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: là nhà và đất, chị không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp thì chị sẽ tranh chấp thành vụ án khác

- Về nợ chung: không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Thành T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Lê Thành T hiện sinh sống tại ấp Thạnh Hoà, xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt cho anh Lê Thành T các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T đều không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[4] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỷ H và anh Lê Thành T sống chung như vợ chồng từ năm 1992 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống chung chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn nên không còn sống chung. Lẽ đó, căn cứ Điều 14, 53 Luật

hôn nhân và gia đình và điểm b mục 3 Nghị quyết 35 ngày 09/6/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về T hành Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận chị H và anh T là vợ chồng.

[4] *Về con chung:* Do các con chung Lê Ngọc S, sinh ngày 08/10/19XX và Lê Ngọc T, sinh ngày 17/01/20XX đã trưởng thành, đã có gia đình riêng nên chị H không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về tài sản chung*: Do chị H và anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

[7] Chị Lê Thị Mỹ H phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, 227, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 16, 53, 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b mục 3 Nghị quyết 35 ngày 09/6/2000 ngày 09/6/2000 về T hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ H. Không công nhận chị Lê Thị Mỹ H và anh Lê Thành T là vợ chồng.

2. Về con chung: Do các con chung Lê Ngọc S, sinh ngày 08/10/19XX và Lê Ngọc T, sinh ngày 17/01/20XX đã trưởng thành, đã có gia đình riêng nên chị H không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Do chị H và anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỹ H phải nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000424 ngày 04/12/2023 của Chi cục T hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã TP;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Nguyễn Văn Miêng-Lê Mộng linh	**Trần Thị Vân**

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vân